TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 611/2025/HS-PT
Ngày: 27 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 225/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L, Trần Văn T1. Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, bà Cao Phương T2 và bà Trần Thị Thu T3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2025/HS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Bị cáo kháng cáo*:**

1. Nguyễn Văn Anh H, sinh ngày 21-11-1994; tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú tại: số B, khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú tại: số H D, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: tài xế; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1967; có vợ tên Khổng Hằng N, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20-01-2025 và chuyển tạm giam ngày 23-01-2025. (có mặt)

2. Nguyễn Chánh T, sinh ngày 10-10-1990; tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); thường trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ); tạm trú tại: khu phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: tài xế; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1963; có vợ tên Lê Kim L2, sinh năm 1994 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06-11-2024 và chuyển tạm giam ngày 15-11-2024. (có mặt)

3. Phan Văn L, sinh ngày 28-8-1984; tại tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ); thường trú tại: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ); tạm trú tại: số C, đường N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: tài xế; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Văn N1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1956; có vợ tên Cao Phương T2, sinh năm 1982 và 04 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không có.

- Bị cáo bị tạm giữ ngày 05-11-2024, chuyển tạm giam ngày 14-11-2024. (có mặt)

4. Trần Văn T1, sinh ngày 07-01-1990; tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); cư trú tại: số B, đường L, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: tài xế; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn Â (đã chết) và bà Lê Thị N3, sinh năm 1956; có vợ tên Trần Thị Thu T3, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 05-11-2024, chuyển tạm giam ngày 14-11-2024. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chánh T: Luật sư Nguyễn Thị Thanh T4 – Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Phương T2, sinh năm 1982; cư trú tại: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. Bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1991; cư trú tại: số B, đường L, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Minh N4, sinh năm 1982; cư trú tại: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) (có mặt).

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Toà nhà V1, số H, đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Thành Xuân T5 - Chuyên viên Xử lý nợ (vắng mặt).

Ông Trần Duy Đ2 - Chuyên viên Xử lý nợ (vắng mặt).

Ông Nguyễn Minh T6 – Trưởng Bộ phận Xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Công ty Cổ phần M3

Địa chỉ: Tòa nhà V, H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Lương Thanh H1 - Chuyên viên Xử lý nợ (vắng mặt).

Ông Đỗ Vũ Bảo C - Chuyên viên Xử lý nợ (vắng mặt).

Ông Nguyễn Như T7 – Trưởng nhóm Xử lý nợ (có mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trương Văn L3, Thân Trọng T8 không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 10-2024, bị cáo Nguyễn Văn Anh H (hành nghề chạy xe ô tô dịch vụ) được bị cáo Trương Văn L3 thuê chở từ Thành phố Hồ Chí Minh về bến xe tỉnh Tây Ninh, bị cáo L3 có xin số điện thoại của bị cáo H để liên lạc khi cần thuê xe. Đến ngày 05-11-2024, bị cáo L3 được người đàn ông tên "Hiet Noi" (quen biết với L3) sinh sống bên Campuchia sử dụng số điện thoại 00855973888827 gọi vào số điện thoại 0362.558.300 của bị cáo L3 để yêu cầu bị cáo L3 thuê xe đến khách sạn Đ5 tại số F, đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, chở 21 người có quốc tịch Bangladesh đến khu vực biên giới thuộc ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giao cho người đàn ông tên M1 (không rõ địa chỉ) sử dụng số điện thoại 00855719355996 để đưa sang Campuchia trái phép bằng đường mòn. Sau đó, bị cáo L3 gọi số điện thoại 0358.839.839 cho bị cáo H để thuê 03 xe ô tô đến khách sạn Đ5 chở người với số tiền 1.900.000 đồng/01 xe, bị cáo L3 gửi định vị vị trí giao người cho bị cáo

H và yêu cầu H chụp ảnh biển số xe và tài xế gửi qua tài khoản Zalo tên "Linh T9" để nhận biết xe đến đón người, đồng thời khi xe chạy gần đến địa điểm giao người thì liên lạc với đối tượng M1 để M1 nhận người. Bị cáo H sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn H" liên lạc vào tài khoản zalo tên "Dvdl Tính S" của Nguyễn Chánh T để thuê 03 xe ô tô đến khách sạn Đ5 chở 21 người có quốc tịch Bangladesh đến biên giới tỉnh Tây Ninh với số tiền 1.600.000 đồng/01 xe và trả tiền công giới thiệu xe cho bị cáo T là 300.000 đồng thì bị cáo T đồng ý.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo T liên lạc vào tài khoản zalo tên "Phan Văn L" để thuê xe ô tô của bị cáo L và yêu cầu bị cáo L tìm thêm 02 xe ô tô có biển số vàng đến khách sạn Đ5 chở 21 người có quốc tịch Bangladesh đến biên giới tỉnh Tây Ninh với số tiền 1.600.000 đồng/01 xe, bị cáo L hỏi sao tìm xe biển số vàng thì bị cáo T trả lời là "Đi xe biển số vàng để tránh bị Công an để ý"; sau đó bị cáo L liên lạc vào tài khoản zalo tên "Trong Thuy" của bị cáo Thân Trọng T8 và tài khoản zalo tên "TRAN VAN THANH" của bị cáo Trần Văn T1 để bị cáo T8 và T1 đến khách sạn Đ5 chở người có quốc tịch Bangladesh đưa đến khu vực biên giới huyện C, tỉnh Tây Ninh, với số tiền 1.600.000 đồng/01 xe. Bị cáo T gửi định vị nơi giao người qua tài khoản zalo cho bị cáo L và yêu cầu bị cáo L chụp ảnh biển số xe cùng hình của bị cáo L gửi cho bị cáo T để bị cáo T gửi cho bị cáo H, sau đó bị cáo H tiếp tục gửi hình ảnh tài xế và biển số xe của các xe đến khách sạn Đ5 chở người có quốc tịch Bangladesh cho bị cáo L3 để thông báo cho "Hiet Noi" biết; đồng thời, bị cáo H liên lạc yêu cầu bị cáo T1 vào khách sạn chọn 08 người nhỏ con để chở đi đến vị trí định vị do bị cáo H gửi và bị cáo H gửi tin nhắn thoại cho bị cáo T1 với nội dung *"Chép cái vị trí đó rồi gõ lên G tới ngay đó là ngừng đúng chỗ đó thả khách xuống rồi không có chạy đi đâu nữa nha anh, thả xuống đó bỏ xuống đó hết xong rồi mình quay xe về" và "Chép vô Google M2 đi rồi xóa hết tin nhắn đi"*.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo L điều khiển xe ô tô biển số 95E-000.65 chở 07 người, bị cáo T8 điều khiển xe ô tô biển số 60H-175.73 chở 06 người đi trước; bị cáo T1 điều khiển xe ô tô biển số 50E-099.11 chở 08 người đi sau đến vị trí định vị mà bị cáo L gửi vào zalo để giao người. Trên đường đi, các bị cáo T và L, T1, T8 thường xuyên liên lạc với nhau để nắm tình hình chở người, bị cáo T nói bị cáo Lý xóa nội dung tin nhắn đã trao đổi và nói với bị cáo T1, T8 là "*Kèo này đừng nói cho ai biết, để mấy anh em mình chạy*"; đồng thời bị cáo L gửi tin nhắn thoại cho bị cáo T1 với nội dung *"Cái thằng chủ kèo nó dặn anh là mỗi một xe là cách nhau khoảng mười lăm phút trả khách, có nghĩa là mình trả khách xong mười lăm phút sau là xe tiếp theo hoặc là hai mươi phút sau là xe tiếp theo chứ đừng có thả cùng một lúc là bốn năm chiếc nguy hiểm lắm. Chạy vậy mấy thằng Biên phòng nó để ý".* Khi bị cáo L chạy xe gần đến khu vực xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, thì đối tượng M1 điện thoại cho bị cáo L để thống

nhất thời gian giao, nhận người. Cùng lúc, "Hiet Noi" thông qua dịch vụ chuyển tiền của bà Đặng Thị Kim D chuyển số tiền 10.308.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T10 số 19038792437018 của bị cáo L3 để trả tiền công thuê xe *(gồm: trả tiền xe chở người ngày 02-11-2024 là 1.900.000 đồng, tiền nợ xe chở người ngày 03-11-2024 là 120.000 đồng, trả tiền xe chở người các ngày 04, 05-11-2024 là 7.000.000 đồng; số tiền còn lại 1.288.000 đồng thì bị cáo L3 hưởng lợi)*, bị cáo L3 chuyển số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng A số 8398398 của bị cáo H, bị cáo H tiếp tục chuyển số tiền 4.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V2 số 104880380616 của bị cáo L (3 xe x 1.600.000đồng/1 xe) để trả tiền thuê 03 xe ô tô như đã thỏa thuận bị cáo L giao lại cho bị cáo T1, T8 mỗi xe 1.600.000 đồng nhưng chưa giao; đồng thời bị cáo H trả tiền thuê xe của đối tượng Nguyễn Tấn S1 chở 03 người vào ngày 04-11-2024 với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo H giữ lại 700.000 đồng (trong đó có số tiền công giới thiệu xe mà bị cáo H thỏa thuận đưa cho bị cáo T là 300.000 đồng nhưng chưa giao tiền).

Khi bị cáo L, T8 chở người đến điểm hẹn thì có người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đi từ vườn cao su ra làm tín hiệu bằng việc mở ánh đèn pin để biết dừng xe, người này đến mở cửa 02 xe cho tổng cộng 13 người Bangladesh xuống để đưa sang Campuchia trái phép. Sau khi giao người, bị cáo L và T8 chạy xe về khu vực ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, dừng xe lại để chờ bị cáo T1 cùng về. Riêng bị cáo T1 chở 08 người Bangladesh gồm: KAMRUZZAMAN MD, MA.NNA MIAH, ALAM MIR, ZAKIR, ISLAM MD AKTARUL, SIDDIQ ABU, ROHAN MD, SHAK MD TARA MIA đến điểm hẹn trên đường tuần tra biên giới thuộc ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, lúc 22 giờ 40 phút cùng ngày, trong khi chờ giao người cho đối tượng M1 thì bị Công an huyện C phối hợp cùng các đơn vị nghiệp vụ phát hiện bắt quả tang.

Cũng với phương thức trên, vào các ngày 02, 03, 04-11-2024, bị cáo L3 được "Hiet Noi" thuê chở người có quốc tịch Bangladesh từ khách sạn Đ5 và sân bay T đến khu vực ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giao cho đối tượng M1 để đưa sang Campuchia trái phép 03 lần, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 17 giờ ngày 02-11-2024, "Hiet Noi" yêu cầu bị cáo L3 thuê xe ô tô đến khách sạn Đ5 chở 05 người có quốc tịch Bangladesh đi giao cho đối tượng M1 để đưa sang Campuchia. Sau đó, bị cáo L3 thuê bị cáo H với số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo H thuê lại bị cáo T và T tiếp tục thuê bị cáo L với số tiền 1.900.000 đồng. Bị cáo Linh ứng trước 1.900.000 đồng chuyển vào tài khoản ngân hàng A số 8398398 của bị cáo H, bị cáo H tiếp tục chuyển 1.900.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V2 số 104880380616 của bị cáo L và bị cáo Lý chia cho bị cáo T 200.000 đồng tiền công giới thiệu xe, bị cáo T chia cho bị cáo H 100.000 đồng nhưng bị cáo H cho T số tiền này.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 10 giờ ngày 03-11-2024, đối tượng M1 yêu cầu bị cáo L3 thuê xe chở 05 người có quốc tịch Bangladesh để đưa sang Campuchia với số tiền 2.700.000 đồng (bao gồm tiền ăn uống), bị cáo L3 thuê lại bị cáo H và bị cáo H tiếp tục thuê bị cáo T cùng số tiền 1.600.000 đồng. Vào ngày 04-11-2024, sau khi bị cáo T đưa được người sang Campuchia, "Hiet Noi" chuyển số tiền 2.580.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M4 số 0362558300 của bị cáo L3 (còn nợ lại 120.000 đồng), bị cáo L3 chuyển 2.700.000 đồng vào tài khoản ngân hàng A số 8398398 của bị cáo H, bị cáo H tiếp tục chuyển 1.920.000 đồng vào tài khoản ngân hàng S2 số 070118713093 của bị cáo T (gồm: tiền thuê xe 1.600.000 đồng, tiền ăn 320.000 đồng). Lần này, bị cáo L3 không nhận tiền công, bị cáo H hưởng lợi 780.000 đồng, bị cáo T hưởng lợi 1.920.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng 07 giờ ngày 04-11-2024, bị cáo L3 được "Hiet Noi" kêu thuê xe đến sân bay T chở 03 người tại sân bay T để đưa sang Campuchia với tiền công 1.900.000 đồng. Bị cáo H gọi điện thoại cho đối tượng Nguyễn Tấn S1 (trong nhóm cùng chạy xe ô tô dịch vụ) đến sân bay T chở 03 người đàn ông Bangladesh đi bến xe tỉnh Tây Ninh với số tiền 700.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đối tượng S1 chở 03 người Bangladesh đến bến xe tỉnh Tây Ninh thì có người đàn ông gọi điện thoại (không nhớ số) yêu cầu S1 tiếp tục chở người đến Công ty cao su ở huyện C, tỉnh Tây Ninh, cùng lúc bị cáo H gửi định vị nơi chở người đến qua Zalo cho đối tượng S1 và nói sẽ trả thêm 800.000 đồng thì S1 đồng ý; trên đường S chở người gần đến điểm hẹn thì bị lực lượng Biên phòng yêu cầu quay đầu xe lại không cho đi tiếp nên S1 chở 03 người Bangladesh về lại bến xe tỉnh Tây Ninh thì cho xuống xe, còn S1 đi về nhà. Sau đó, bị cáo H chuyển khoản trả tiền thuê xe cho S1 1.500.000 đồng (gồm: ngày 04-11-2024 chuyển 700.000 đồng, ngày 05-11-2024 chuyển 800.000 đồng); bị cáo H hưởng lợi 400.000 đồng.

* Cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa tài khoản và kê biên tài sản của các bị cáo, gồm:

- Tài khoản số 0261003465079 tại ngân hàng TMCP N5 của bị cáo Thân Trọng T8 có số dư 20.071.304 đồng.

- Tài khoản số 104880380616 tại ngân hàng TMCP C1 của bị cáo Phan Văn L có số 2.831.829 đồng.

- Tài khoản số 100874521796 tại ngân hàng TMCP C1 của bị cáo Trần Văn T1 có số dư 1.021.452 đồng.

- Kê biên của bị cáo Trương Văn L3 01 thửa đất số 140, tờ bản đồ số 15, diện tích 1713,9 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Kê biên của bị cáo Phan Văn L 01 thửa đất số 72, tờ bản đồ số 34, diện tích 74,5 m^2 tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Riêng các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Trần Văn T1, Thân Trọng T8 không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố:

+ Các bị cáo Trương Văn Linh, Nguyễn Văn Anh Huy, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L, Thân Trọng T8 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo Trần Văn T1, Thân Trọng T8 cùng bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2025/HS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

I. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L, Trần Văn T1 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Anh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-01-2025.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chánh T 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-11-2024.

4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phan Văn L 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-11-2024.

5. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T1 05 (năm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-11-2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

II. Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Tịch thu sung Ngân sách nhà nước xe ô tô sử dụng vào việc phạm tội, gồm:*

+ 01 (một) xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi Xpander GLP, màu trắng, biển kiểm soát 95E-000.65, số khung: MK2LRNC1WLN027907, số máy: 4A91KAG3530 (có kèm theo chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe. Theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 02-01-2025 của Đ3 Đăng ký xe, phòng Công an tỉnh T, xe ô tô biển số: 95E-000.65; Ngày đăng ký: 18-02-2022; Loại xe: Ô tô con, Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: XPANDER GLP; Màu sơn: Trắng; Số máy: 4A91KAG3530; Số khung: MK2LRNC1WLN027907; Dung tích xi lanh: 1499 cm3; Năm sản xuất: 2021; Số chỗ ngồi: 7; Khối lượng bản thân: 1250 kg; Khối lượng toàn bộ: 1790kg), **(của bị cáo L)**, kèm theo là 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 95003570 mang tên Cao Phương T2 do Phòng C2 Công an tỉnh H cấp ngày 18-02-2022 và 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 95E-000.65; (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-6-2025).

+ 01 (một) xe ô tô 7 chỗ hiệu Mitsubishi Xpander GLP, màu nâu, biển kiểm soát 50E-099.11, số khung: MK2LRNC1WNN017687, số máy: 4A91KBD3307 (có kèm theo chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe. Theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 02-01-2025 của Đ3 Đăng ký xe, phòng Công an tỉnh T, xe ô tô biển số: 50E-099.11; Ngày đăng ký: 18-3-2023; Loại xe: Ô tô con, Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: XPANDER GLP; Màu sơn: Nâu; Số máy: 4A91KAG3530; Số khung: MK2LRNC1WNN017687; Dung tích xi lanh: 1499 cm3; Năm sản xuất: 2022; Số chỗ ngồi: 7; Khối lượng bản thân: 1265 kg; Khối lượng toàn bộ: 1840 kg). **(của bị cáo T1)**, kèm theo là 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 50E-099.11, (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-6-2025); *xe có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M3 đang quản lý*.

+ 01 (một) xe ô tô 7 chỗ hiệu Mitsubishi Xpander GLP, màu trắng, biển kiểm soát 60H-175.73, số khung: MK2LRNC1WSN007674, số máy: 4A91KCJ4769 (có kèm theo chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe. Theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 02-01-2025 của Đ3 Đăng ký xe, phòng Công an tỉnh T, xe ô tô biển số: 60H-175.73; Ngày đăng ký: 04/10/2024 ; Loại xe: Ô tô con, Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: XPANDER GLP; Màu sơn: Trắng; Số máy: 4A91KCJ4769; Số khung: MK2LRNC1WSN007674; Dung tích xi lanh: 1499 cm^3; Năm sản xuất: 2024; Số chỗ ngồi: 7; Khối lượng bản thân: 1265 kg; Khối lượng toàn bộ: 1840 kg) **(của bị cáo T8)**, có 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 60H-175.73 (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật

chứng ngày 27-6-2025); *xe có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M3 đang quản lý*.

Đối với xe ô tô của bị cáo T1, T8: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M3 đang quản lý các giấy chứng nhận đăng ký xe, có nghĩa vụ giao nộp để thi hành án. Nếu Ngân hàng và Công ty không thực hiện thì Cơ quan Thi hành án căn cứ quy định của pháp luật để thi hành. Ngân hàng và Công ty có quyền khởi kiện dân sự đối với giao dịch giữa bị cáo T1, bị cáo L với Ngân hàng hoặc Công ty.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Trương Văn L3, Thân Trọng T8, biên pháp tư pháp, xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2025, bị cáo Nguyễn Văn Anh H và Nguyễn Chánh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Văn T1 xin giảm nhe hình phạt và yêu cầu trả lại chiếc xe ô tô 7 chỗ cho vợ chồng bị cáo; bị cáo Phan Văn L xin giảm nhe hình phạt và yêu cầu trả lại chiếc xe ô tô 7 chỗ do vợ bị cáo đứng tên.

Ngày 12/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Phương T2 kháng cáo yêu cầu được nhận lại xe ô tô mang biển kiểm soát 95E-000.65.

Ngày 13/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, yêu cầu giao cho Ngân hàng chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 60H-175.73 do bị cáo T8 và vợ thế chấp cho ngân hàng.

Ngày 04/8/2025 và 14/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu T3 có đơn kháng cáo và đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nhận lại chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 50E-099.11

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L, Trần Văn T1 đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu.

Bị cáo Nguyễn Văn Anh H chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Chánh T vẫn giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính chăm sóc cha mẹ già yếu, con nhỏ và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn L vẫn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo còn có con nhỏ. Ngoài ra, yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm trả lại chiếc xe ô tô 7 chỗ mang biển số: 95E-000.65 do vợ bị cáo là Cao Phương T2 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe vì đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, việc bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội vợ bị cáo không biết.

Bị cáo Trần Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trả lại chiếc xe ô tô 7 chỗ mang biển số 50E-099.11 do đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo chỉ chạy theo yêu cầu của khách hàng chứ không biết là hành vi vi phạm pháp luật, vợ bị cáo cũng không biết việc này.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chánh T là Luật sư Nguyễn Thị Thanh T4 phát biểu ý kiến: Số tiền 2.120.000 đồng bị cáo nộp tại cấp phúc thẩm là tiền dịch vụ vận tải, đây là tiền khắc phục hậu quả, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức, quá trình tố tụng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế dẫn đến phạm tội; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ, bản thân bị cáo có nhân thân tốt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Phương T2 vẫn giữ kháng cáo yêu cầu được nhận lại xe ô tô mang biển kiểm soát 95E-000.65 vì việc bị cáo L sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội bà T2 không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP V (có ông Nguyễn Minh T6 đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho Ngân hàng chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 60H-175.73 do Thân Trọng T8 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe vì tài sản này vợ chồng T8 đang thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo khoản vay và việc nhận thế chấp của ngân hàng là hợp pháp. Việc tịch thu xe ảnh hưởng quyền lợi của ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu T3 vẫn giữ kháng cáo yêu cầu được nhận lại xe ô tô mang biển kiểm soát 50E-099.11 do đây là tài sản chung của vợ chồng bà và việc bị cáo T1 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội bà T3 không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần M3 (sau đây gọi tắt là công ty M3) (có ông Nguyễn Như T7 đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP V và công nhận và thực hiện thủ tục chuyển giao quyền, nghĩa vụ của V1 trong vụ án này cho công ty M3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Minh N4 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP V.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo H 07 năm 6 tháng tù, L, T 7 năm tù và T1 5 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" là có căn cứ, đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị cáo T1, L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, bà Cao Phương T2 và bà Trần Thị Thu T3 về xử lý vật chứng, các xe ô tô có liên quan đến kháng cáo là phương tiện phạm tội trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu các xe này là đúng quy định. Do đó, kháng cáo của bị cáo T1, L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là không có cơ sở. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, trích xuất dữ liệu điện tử trong điện thoại thu giữ của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Bị cáo Trương Văn L3 được đối tượng "Hiet Noi" (không rõ lai lịch) yêu cầu thuê xe chở những người có quốc tịch Bangladesh từ Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực biên giới thuộc ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giao cho người đàn ông tên M1 (không rõ lai lịch) để đưa sang Campuchia trái phép bằng đường mòn và sẽ trả công cho L3. L3 đã móc nối với nhóm lái xe thuê là các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T để thuê xe chở người sang Campuchia trái phép kiếm tiền. Ngày 05-11-2024 bị cáo L3 và H, cùng với bị

cáo Nguyễn Chánh T thuê Phan Văn L, Trần Văn T1, Thân Trọng T8 sử dụng 3 xe ô tô chở 21 người đàn ông quốc tịch Bangladesh từ Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực biên giới C để đưa sang Campuchia, khi đến tại khu vực biên giới thuộc ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh, thì Trần Văn T1 bị lực lượng Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh T phối hợp với Công an C và Đồn biên phòng V3 phát hiện bắt quả tang đang có hành vi đưa 08 người đàn ông có quốc tịch Bangladesh xuất cảnh trái phép sang Campuchia, trước đó các bị cáo Phan Văn L, Thân Trọng T8 đã đưa được 13 người sang Campuchia trót lọt, còn lại 08 người chưa kịp xuất cảnh sang Campuchia thì bị bắt giữ, đến ngày 06-11-2024 cơ quan cảnh sát điều tra công tiến hành bắt khẩn cấp đối với bị cáo Nguyễn Chánh T.

[2.2] Cũng với phương thức trên, trước đó, vào các ngày 02, 03, 04-11-2024, bị cáo L3 được "Hiet Noi" thuê chở người có quốc tịch Bangladesh từ khách sạn Đ5 và sân bay T đến khu vực ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giao cho đối tượng M1 để đưa sang Campuchia trái phép 03 lần, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 17 giờ ngày 02-11-2024, "Hiet Noi" yêu cầu bị cáo L3 thuê xe ô tô đến khách sạn Đ5 chở 05 người có quốc tịch Bangladesh đi giao cho đối tượng M1 để đưa sang Campuchia. Sau đó, bị cáo L3 thuê bị cáo H với số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo H thuê lại bị cáo T và T tiếp tục thuê bị cáo L với số tiền 1.900.000 đồng. L đã chở 5 người này đến điểm hẹn và giao cho M1.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 10 giờ ngày 03-11-2024, đối tượng M1 yêu cầu bị cáo L3 thuê xe chở 05 người có quốc tịch Bangladesh để đưa sang Campuchia với số tiền 2.700.000 đồng (bao gồm tiền ăn uống), bị cáo L3 thuê lại bị cáo H và bị cáo H tiếp tục thuê bị cáo T cùng số tiền 1.600.000 đồng. Tính chở 05 người nêu trên đến điểm hẹn và giao cho M1.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng 07 giờ ngày 04-11-2024, bị cáo L3 được "Hiet Noi" kêu thuê xe đến sân bay T chở 03 người tại sân bay T để đưa sang Campuchia với tiền công 1.900.000 đồng. Bị cáo H gọi điện thoại cho đối tượng Nguyễn Tấn S1 (trong nhóm cùng chạy xe ô tô dịch vụ) đến sân bay T chở 03 người đàn ông Bangladesh đi bến xe tỉnh Tây Ninh với số tiền 700.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đối tượng S1 chở 03 người Bangladesh đến bến xe tỉnh Tây Ninh thì có người đàn ông gọi điện thoại (không nhớ số) yêu cầu S1 tiếp tục chở người đến Công ty cao su ở huyện C, tỉnh Tây Ninh, cùng lúc bị cáo H gửi định vị nơi chở người đến qua Zalo cho đối tượng S1 và nói sẽ trả thêm 800.000 đồng thì S1 đồng ý; trên đường S chở người gần đến điểm hẹn thì bị lực lượng Biên phòng yêu cầu quay đầu xe lại không cho đi tiếp nên S1 chở 03 người Bangladesh về lại bến xe tỉnh Tây Ninh thì cho xuống xe, còn S1 đi về nhà.

[2.3] Mục đích các bị cáo đưa người sang Campuchia bằng đường mòn, lối mở, không có giấy tờ xuất cảnh hợp pháp nhằm để được hưởng lợi bất chính.

[2.2] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Trần Văn T1 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo điểm c khoản 2 Điều 348 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.1] Đối với nhóm kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (bao gồm các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1).

Các bị cáo nhận thức được việc đưa người xuất cảnh không có giấy phép của cơ quan chức năng là trái phép nhưng muốn có tiền thu lợi bất chính các bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì mục đích động cơ tư lợi cá nhân, với thủ đoạn tinh vi các bị cáo đã móc nối, cấu kết với nhau tổ chức đưa những người nước ngoài xuất cảnh từ Việt Nam ra nước ngoài vào ban đêm, bằng đường vòng, đường mòn lối mở, mỗi xe ô tô di chuyển cách xa nhau và thường xuyên liên lạc với nhau nhằm để thông tin chặt chẽ, kịp thời tránh sự kiểm tra, phát hiện của cơ quan chức năng. Do đó, mức hình phạt đặt ra đối với bị cáo phải nghiêm mới đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn Anh H cùng với bị cáo L3 đã thực hiện đưa người sang Campuchia 04 lần, tổng cộng 34 người, trong đó có 01 lần 21 người bị bắt quả tang vào ngày 05-11-2024. Bị cáo là người tham gia rất tích cực, thông qua bị cáo L3 bị cáo tiếp nhận thông tin về số lượng người cần đưa xuất cảnh, từ đó bị cáo chủ động điện thoại tìm kiếm các bị cáo khác để cùng nhau đưa người xuất cảnh trái phép. Ngày bị bắt quả tang bị cáo đã nhận của bị cáo L3 số tiền 11.600.000 đồng. Chia cho bị cáo L 6.700.000 đồng, bị cáo T 1.920.000 đồng, chia cho đối tượng S1 1.500.000 đồng, còn lại hưởng lợi bất chính là 1.480.000 đồng. Bị cáo chỉ giữ vai trò sau bị cáo L3.

Bị cáo Nguyễn Chánh T vì vụ lợi đã tìm thuê xe của bị cáo Phan Văn L, bị cáo L tiếp tục rủ rê bị cáo Trần Văn T1 và Thân Trọng T8 để cùng nhau thực hiện đưa 21 người nước ngoài xuất cảnh trái phép. Ngoài lần này ra, bị cáo T còn tham gia 01 lần đưa 05 người quốc tịch Bangladesh xuất cảnh sang Campuchia vào ngày 03-11-2024, hưởng lợi 2.100.000 đồng. Bị cáo giữ vai trò sau bị cáo H.

Bị cáo Phan Văn L là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Trần Văn T1 và Thân Trọng T8 cùng tham gia. Bị cáo L giúp sức cho H và T thực hiện hành vi phạm tội 02 lần với tổng số 26 người. Trong đó, bị cáo L trực tiếp tham gia và bị bắt quả tang ngày 05-11-2024 là 21 người, đã nhận số tiền 6.700.000 đồng. Ngoài ra còn 01 lần trực tiếp đưa 05 người vào ngày 02-11-2024, tổng số tiền được hưởng lợi là 3.300.000 đồng. Bị cáo giữ vai trò ngang bị cáo T.

Bị cáo Trần Văn T1 là người do bị cáo L liên lạc cùng tham gia, hoàn toàn không biết tổng số lượng người cụ thể phải đưa sang Campuchia vào tối ngày 05-11-2024 là bao nhiêu người, bị cáo T1 giúp sức cho bị cáo L đưa 8 người, mục đích để được hưởng lợi 1.600.000 đồng. Bị cáo có vai trò hạn chế nhất trong số các bị cáo kháng cáo.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo H, T, L có 02 tình tiết tăng nặng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" và "phạm tội có tổ chức" quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo T1 không có tình tiết tặng nặng và áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo H, T, L đã tự thú về những lần phạm tội trước đó, quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo H đã đầu thú; bị cáo Lý tác Đ4 gia đình nộp số tiền 3.300.000 đồng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vai trò của các bị cáo như đã nêu trên, từ đó xử phạt bị cáo H 07 năm 06 tháng tù, T và L mỗi bị cáo 07 năm tù, bị cáo T1 05 năm tù, mức án ở đầu khung hình phạt được áp dụng là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo và cũng đã xem xét khoan hồng cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình tình tiết nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.120.000 đồng nhưng tình tiết này không làm thay đổi đáng kể bản chất hành vi phạm tội của bị cáo nên không phải tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới; các bị cáo H, L, T1 kháng cáo nhưng không xuất trình được tình tiết nào mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3.2] Đối với nhóm kháng cáo về xử lý vật chứng (bao gồm các bị cáo Phan Văn L, Trần Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Phương T2, bà Trần Thị Thu T3 và Ngân hàng TMCP V).

Hồ sơ vụ án thể hiện, các xe ô tô mang biển số: 95E-000.65, 50E-099.11, 60H-175.73 là phương tiện các bị cáo L, T1, T3 dùng để phạm tội.

Tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về xử lý vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội quy định: *"2. Vật chứng được xử lý như sau: a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy"*.

Tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự quy định: "*1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với: a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội*"

Như vậy, theo các quy định trên thì việc xử lý vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội phải bị tịch thu sung quỹ nhà nước mà không có các trường hợp khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu, sung quỹ các xe ô tô nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trường hợp bà T3, bà T2 cho rằng quyền lợi bị xâm phạm thì có thể khởi kiện yêu cầu bị cáo trả lại phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Ngân hàng TMCP V, trường hợp cho rằng quyền lợi bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện bị cáo T3 để yêu cầu bồi thường bằng vụ án dân sự khác. Kháng cáo của các bị cáo Phan Văn L, Trần Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Phương T2, bà Trần Thị Thu T3 và Ngân hàng TMCP V về xử lý vật chứng là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với công ty M3, công ty mua lại khoản nợ của Thân Trọng T8 và bà Nguyễn Thị Minh N4 theo hợp đồng ngày 28/7/2025, sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên công ty có nghĩa vụ phải biết xe ô tô là tài sản thế chấp đảm bảo khoản nợ này đang bị tạm giữ để giải quyết vụ án nhưng công ty vẫn thực hiện việc mua nợ từ ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đưa công ty vào tham gia tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, công ty không kháng cáo. Hơn nữa, như phân tích trên, việc tịch thu sung quỹ các xe ô tô là đúng quy định. Nay công ty M3 yêu cầu công nhận và thực hiện thủ tục chuyển giao quyền, nghĩa vụ của V1 trong vụ án này cho công ty M3 là không có căn cứ chấp nhận. Giao dịch giữa công ty M3 với Ngân hàng sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khi có tranh chấp.

Hiện nay, Ngân hàng và Công ty M3 đang quản lý các giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính đối với xe ô tô của bị cáo T1 và T8 nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ngân hàng và Công ty M3 có nghĩa vụ giao nộp lại để thi hành án, nếu Ngân hàng và Công ty M3 không thực hiện thì Cơ quan Thi hành án căn cứ quy định của pháp luật thi hành, là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Phương T2, bà Trần Thị Thu T3 và Ngân hàng TMCP V, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ngoài ra, về lý lịch của bị cáo, theo lý lịch bị can của bị cáo Nguyễn Chánh T thể hiện, bị cáo T sinh ngày 10/10/1990 (BL 09); theo giấy khai sinh do bà Cao Phương T2 xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Văn L có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2022 nhưng phần lý lịch của bị cáo tại bản án sơ thẩm lại thể hiện bị cáo T sinh ngày 10/10/1994, bị cáo L có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022 là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1 phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Phương T2, bà Trần Thị Thu T3 và Ngân hàng TMCP V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2025/HS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L, Trần Văn T1 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

[2] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Anh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-01-2025.

[3] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chánh T 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-11-2024.

[4] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phan Văn L 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-11-2024.

[5] Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T1 05 (năm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-11-2024.

[6] Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1 để đảm bảo thi hành án.

[8] Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Tịch thu sung Ngân sách nhà nước xe ô tô sử dụng vào việc phạm tội, gồm:*

+ 01 (một) xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi Xpander GLP, màu trắng, biển kiểm soát 95E-000.65, số khung: MK2LRNC1WLN027907, số máy: 4A91KAG3530 (có kèm theo chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe. Theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 02-01-2025 của Đ3 Đăng ký xe, phòng Công an tỉnh T, xe ô tô biển số: 95E-000.65; Ngày đăng ký: 18-02-2022; Loại xe: Ô tô con, Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: XPANDER GLP; Màu sơn: Trắng; Số máy: 4A91KAG3530; Số khung: MK2LRNC1WLN027907; Dung tích xi lanh: 1499 cm3; Năm sản xuất: 2021; Số chỗ ngồi: 7; Khối lượng bản thân: 1250 kg; Khối lượng toàn bộ: 1790kg), **(của bị cáo L)**, kèm theo là 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 95003570 mang tên Cao Phương T2 do Phòng C2 Công an tỉnh H cấp ngày 18-02-2022 và 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 95E-000.65; (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-6-2025).

+ 01 (một) xe ô tô 7 chỗ hiệu Mitsubishi Xpander GLP, màu nâu, biển kiểm soát 50E-099.11, số khung: MK2LRNC1WNN017687, số máy: 4A91KBD3307 (có kèm theo chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe. Theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 02-01-2025 của Đ3 Đăng ký xe, phòng Công an tỉnh T, xe ô tô biển số: 50E-099.11; Ngày đăng ký: 18-3-2023; Loại xe: Ô tô con, Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: XPANDER GLP; Màu sơn: Nâu; Số máy: 4A91KAG3530; Số khung: MK2LRNC1WNN017687; Dung tích xi lanh: 1499 cm3; Năm sản xuất: 2022; Số chỗ ngồi: 7; Khối lượng bản thân: 1265 kg; Khối lượng toàn bộ: 1840 kg). **(của bị cáo T1)**, kèm theo là 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 50E-099.11, (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-6-2025); *xe có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M3 đang quản lý*.

+ 01 (một) xe ô tô 7 chỗ hiệu Mitsubishi Xpander GLP, màu trắng, biển kiểm soát 60H-175.73, số khung: MK2LRNC1WSN007674, số máy:

4A91KCJ4769 (có kèm theo chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe. Theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 02-01-2025 của Đ3 Đăng ký xe, phòng Công an tỉnh T, xe ô tô biển số: 60H-175.73; Ngày đăng ký: 04/10/2024 ; Loại xe: Ô tô con, Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: XPANDER GLP; Màu sơn: Trắng; Số máy: 4A91KCJ4769; Số khung: MK2LRNC1WSN007674; Dung tích xi lanh: 1499 cm^3; Năm sản xuất: 2024; Số chỗ ngồi: 7; Khối lượng bản thân: 1265 kg; Khối lượng toàn bộ: 1840 kg) **(của bị cáo T3)**, có 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 60H-175.73 (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-6-2025); *xe có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M3 đang quản lý*.

Đối với xe ô tô của bị cáo T1, T3: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M3 đang quản lý các giấy chứng nhận đăng ký xe, có nghĩa vụ giao nộp để thi hành án. Nếu Ngân hàng và Công ty không thực hiện thì Cơ quan Thi hành án căn cứ quy định của pháp luật để thi hành. Ngân hàng và Công ty có quyền khởi kiện dân sự đối với giao dịch giữa bị cáo T1, bị cáo L với Ngân hàng hoặc Công ty.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Số tiền 2.120.000 (Hai triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng bị cáo Nguyễn Chánh T đã nộp tại cấp phúc thẩm (do bà Nguyễn Thị Phượng U nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0002221 ngày 24/11/2025 sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[11] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Văn Anh H, Nguyễn Chánh T, Phan Văn L và Trần Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCTVKSXXPT tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (8)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- THA DS tỉnh Tây Ninh; (1)
- TTG số 1 Ca tỉnh Tây Ninh; (1)
- "Để tống đạt cho bị cáo"; (4)
- NLQ; (4)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 26b. (PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình